

Chương 95:

Đồ chơi, thiết bị trò chơi và dụng cụ thể thao; các bộ phận và phụ kiện của chúng

Chú giải.

1.- Chương này không bao gồm:

- (a) Nến (nhóm 34.06);
- (b) Pháo hoa hoặc các sản phẩm pháo hoa khác thuộc nhóm 36.04;
- (c) Sợi, monofilament, dây bện hoặc dây cước hoặc các loại dây tương tự dùng cho đánh bắt thủy sản, đã cắt thành từng đoạn nhưng chưa làm thành dây câu, thuộc Chương 39, nhóm 42.06 hoặc Phần XI;
- (d) Túi thể thao hoặc bao bì khác thuộc nhóm 42.02, 43.03 hoặc 43.04;
- (e) Quần áo hoá trang, bằng vải dệt, thuộc Chương 61 hoặc 62; quần áo thể thao và các mặt hàng may mặc đặc biệt bằng vải dệt, thuộc Chương 61 hoặc 62, có hoặc không gắn với các thành phần bảo vệ như miếng lót hoặc phân lót ở khuỷu tay, đầu gối hoặc phần háng (ví dụ, quần áo dùng cho môn đấu kiếm hoặc áo cho thủ môn bóng đá);
- (f) Cờ hoặc cờ đuôi nheo bằng vải dệt, hoặc buồm dùng cho thuyền, ván lướt hoặc ván trượt, thuộc Chương 63;
- (g) Giày dép thể thao (trừ loại đã gắn lưỡi trượt băng hoặc trượt patanh) thuộc Chương 64, hoặc mũ và các vật đội đầu thể thao thuộc Chương 65;
- (h) Gậy chống để đi bộ, roi, roi điều khiển súc vật hoặc các mặt hàng tương tự (nhóm 66.02), hoặc các bộ phận của chúng (nhóm 66.03);
- (ij) Mắt thủy tinh chưa lắp dùng cho búp bê hoặc đồ chơi khác, thuộc nhóm 70.18;
- (k) Các bộ phận có công dụng chung, như định nghĩa trong Chú giải 2 của Phần XV, bằng kim loại cơ bản (Phần XV), hoặc các hàng hoá tương tự bằng plastic (Chương 39);
- (l) Chuông, cồng chiêng hoặc các loại tương tự thuộc nhóm 83.06;
- (m) Bơm chất lỏng (nhóm 84.13), thiết bị lọc hay tinh chế chất lỏng hoặc chất khí (nhóm 84.21), động cơ điện (nhóm 85.01), máy biến điện (nhóm 85.04), đĩa, băng, các thiết bị lưu trữ bền vững, thể rắn (các thiết bị bán dẫn không mất dữ liệu khi không có nguồn điện cung cấp), "thẻ thông minh" và các phương tiện lưu trữ thông tin khác để ghi âm hoặc ghi các hiện tượng khác, đã hoặc chưa ghi (nhóm 85.23), thiết bị điều khiển từ xa bằng sóng vô tuyến (nhóm 85.26) hoặc thiết bị điều khiển từ xa không dây bằng tia hồng ngoại (nhóm 85.43);
- (n) Xe thể thao (trừ xe trượt băng, xe trượt tuyết và các loại xe tương tự) thuộc Phần XVII;
- (o) Xe đạp trẻ em (nhóm 87.12);
- (p) Phương tiện bay không người lái (nhóm 88.06)

Chapter 95

Toys, games and sports requisites; parts and accessories thereof

Notes.

1.- This Chapter does not cover:

- (a) Candles (heading 34.06);
- (b) Fireworks or other pyrotechnic articles of heading 36.04;
- (c) Yarns, monofilament, cords or gut or the like for fishing, cut to length but not made up into fishing lines, of Chapter 39, heading 42.06 or Section XI;
- (d) Sports bags or other containers of heading 42.02, 43.03 or 43.04;
- (e) Fancy dress of textiles, of Chapter 61 or 62; sports clothing and special articles of apparel of textiles, of Chapter 61 or 62, whether or not incorporating incidentally protective components such as pads or padding in the elbow, knee or groin areas (for example, fencing clothing or soccer goalkeeper jerseys);
- (f) Textile flags or bunting, or sails for boats, sailboards or land craft, of Chapter 63;
- (g) Sports footwear (other than skating boots with ice or roller skates attached) of Chapter 64, or sports headgear of Chapter 65;
- (h) Walking-sticks, whips, riding-crops or the like (heading 66.02), or parts thereof (heading 66.03);
- (ij) Unmounted glass eyes for dolls or other toys, of heading 70.18;
- (k) Parts of general use, as defined in Note 2 to Section XV, of base metal (Section XV), or similar goods of plastics (Chapter 39);
- (l) Bells, gongs or the like of heading 83.06;
- (m) Pumps for liquids (heading 84.13), filtering or purifying machinery and apparatus for liquids or gases (heading 84.21), electric motors (heading 85.01), electric transformers (heading 85.04), discs, tapes, solid-state non-volatile storage devices, "smart cards" and other media for the recording of sound or of other phenomena, whether or not recorded (heading 85.23), radio remote control apparatus (heading 85.26) or cordless infrared remote control devices (heading 85.43);
- (n) Sports vehicles (other than bobsleighs, toboggans and the like) of Section XVII;
- (o) Children's bicycles (heading 87.12);
- (p) Unmanned aircraft (heading 88.06);

(q) Tàu thuyền thể thao như ca nô và xuồng nhỏ (Chương 89), hoặc phương tiện đẩy của chúng (Chương 44 dùng cho các mặt hàng bằng gỗ);

(r) Kính đeo, kính bảo hộ hoặc các loại kính tương tự, dùng cho thể thao hoặc cho các trò chơi ngoài trời (nhóm 90.04);

(s) Dụng cụ tạo âm thanh để nhử mồi hoặc còi (nhóm 92.08);

(t) Vũ khí hoặc các mặt hàng khác thuộc Chương 93;

(u) Dây đèn các loại (nhóm 94.05);

(v) Chân đế loại một chân (monopod), hai chân (bipod), ba chân (tripod) và các mặt hàng tương tự (nhóm 96.20);

(w) Dây căng vợt, lều bạt hoặc các đồ phục vụ cắm trại khác, hoặc găng tay, găng tay hở ngón (phân loại theo vật liệu cấu thành); hoặc

(x) Bộ đồ ăn, bộ đồ bếp, vật dụng toilet, thảm và tấm trải sàn bằng vải dệt khác, đồ thêu, vỏ ga, vỏ gối, khăn trải giường (bed linen), khăn trải bàn, khăn vệ sinh, khăn nhà bếp và các vật dụng tương tự có chức năng sử dụng thực tế (được phân loại theo vật liệu cấu thành).

2.- Chương này bao gồm cả các sản phẩm trong đó có ngọc trai thiên nhiên hoặc nuôi cấy, đá quý hoặc đá bán quý (thiên nhiên, tổng hợp hoặc tái tạo), kim loại quý hoặc kim loại dát phủ kim loại quý chỉ là thành phần thứ yếu.

3.- Theo Chú giải 1 ở trên, các bộ phận và phụ kiện chỉ dùng hoặc chủ yếu dùng với các mặt hàng của Chương này được phân loại cùng với các mặt hàng đó.

4.- Theo nội dung Chú giải 1 nêu trên, không kể những đề cập khác, nhóm 95.03 được áp dụng cho các sản phẩm của nhóm này đã được kết hợp với một hoặc nhiều chi tiết, không được xem như là một bộ theo điều kiện của qui tắc 3 (b) của Nguyên tắc phân loại chung, và nếu trình bày riêng lẻ, thì sẽ được phân loại vào nhóm khác, với điều kiện là các sản phẩm được đóng thành bộ để bán lẻ và sự kết hợp tạo nên đặc trưng cơ bản của đồ chơi.

5.- Nhóm 95.03 không bao gồm các mặt hàng mà, theo thiết kế, hình dáng hoặc vật liệu cấu thành, có thể xác định chúng chỉ được sử dụng riêng cho động vật, ví dụ, "đồ chơi cho vật nuôi cảnh trong gia đình" (phân loại vào nhóm thích hợp của chúng).

6. Theo nội dung của nhóm 95.08:

(a) Khái niệm "trò chơi di chuyển trong công viên giải trí" (amusement park rides) có nghĩa là một thiết bị hoặc tổ hợp các thiết bị hoặc máy để mang, vận chuyển hoặc dẫn một người hoặc nhiều người đi trên hoặc đi qua một tuyến đường cố định hoặc giới hạn, bao gồm cả đường nước, hoặc trong một khu vực xác định cho mục đích chính là vui chơi hoặc giải trí. Các thiết bị trò chơi này có thể được kết hợp trong công viên giải trí, công viên theo chủ đề (theme park), công viên nước hoặc khu hội chợ. Các thiết bị trò chơi di

(q) Sports craft such as canoes and skiffs (Chapter 89), or their means of propulsion (Chapter 44 for such articles made of wood);

(r) Spectacles, goggles or the like, for sports or outdoor games (heading 90.04);

(s) Decoy calls or whistles (heading 92.08);

(t) Arms or other articles of Chapter 93;

(u) Electric garlands of all kinds (heading 94.05);

(v) Monopods, bipods, tripods and similar articles (heading 96.20);

(w) Racket strings, tents or other camping goods, or gloves, mittens and mitts (classified according to their constituent material); or

(x) Tableware, kitchenware, toilet articles, carpets and other textile floor coverings, apparel, bed linen, table linen, toilet linen, kitchen linen and similar articles having a utilitarian function (classified according to their constituent material).

2.- This Chapter includes articles in which natural or cultured pearls, precious or semi-precious stones (natural, synthetic or reconstructed), precious metal or metal clad with precious metal constitute only minor constituents.

3. - Subject to Note 1 above, parts and accessories which are suitable for use solely or principally with articles of this Chapter are to be classified with those articles.

4. - Subject to the provisions of Note 1 above, heading 95.03 applies, *inter alia*, to articles of this heading combined with one or more items, which cannot be considered as sets under the terms of General Interpretative Rule 3 (b), and which, if presented separately, would be classified in other headings, provided the articles are put up together for retail sale and the combinations have the essential character of toys.

5. - Heading 95.03 does not cover articles which, on account of their design, shape or constituent material, are identifiable as intended exclusively for animals, for example, "pet toys" (classification in their own appropriate heading).

6.- For the purposes of heading 95.08:

(a) The expression "amusement park rides" means a device or combination of devices or equipment that carry, convey, or direct a person or persons over or through a fixed or restricted course, including watercourses, or within a defined area for the primary purposes of amusement or entertainment. Such rides may be combined within an amusement park, theme park, water park or fairground. These amusement park rides do not include equipment of a kind commonly installed in residences or playgrounds;

chuyên này không bao gồm các thiết bị loại thường được lắp đặt trong các khu dân cư hoặc sân chơi;

(b) Khái niệm “trò chơi công viên nước” (water park amusements) có nghĩa là một thiết bị hoặc tổ hợp các thiết bị hoặc máy có đặc trưng bởi một khu vực nước cụ thể, không bao gồm đường đi (no purposes built path). Thiết bị vui chơi giải trí trong công viên nước chỉ bao gồm các thiết bị được thiết kế đặc biệt cho công viên nước; và

(c) Khái niệm “trò chơi hội chợ” (fairground amusements) có nghĩa là các trò chơi may mắn, sức mạnh hoặc kỹ năng, thường có người điều hành hoặc người phục vụ và có thể được lắp đặt trong các tòa nhà kiên cố hoặc quầy nhượng quyền độc lập (independent concession stalls). Các trò chơi hội chợ không bao gồm thiết bị thuộc nhóm 95.04.

Nhóm này không bao gồm thiết bị đã được quy định chi tiết hơn ở nơi khác trong Danh mục.

o
o o

Chú giải phân nhóm:

1.- Phân nhóm 9504.50 bao gồm:

(a) Các bộ điều khiển trò chơi video mà hình ảnh được tái tạo trên một bộ thu truyền hình, một màn hình hoặc bề mặt bên ngoài khác; hoặc

(b) Các máy trò chơi video loại có màn hình video, có hoặc không có tay cầm.

Phân nhóm này không bao gồm các máy hoặc thiết bị trò chơi điện tử video hoạt động bằng đồng xu, tiền giấy, thẻ ngân hàng, token hoặc bất kỳ phương tiện thanh toán khác (phân nhóm 9504.30).

TỔNG QUÁT

Chương này bao gồm đồ chơi các loại được thiết kế để giải trí cho trẻ em hoặc người lớn. Nó cũng bao gồm thiết bị trò chơi trong nhà hoặc ngoài trời, các thiết bị và dụng cụ dùng cho các môn thể thao, thể dục thể hình hoặc điền kinh, một số vật dụng cần thiết cho săn bắn hoặc câu cá, và các sàn quay và những trò giải trí khác tại các hội chợ.

Mỗi nhóm của Chương này cũng bao gồm các bộ phận và các đồ phụ trợ có thể xác định được là của các mặt hàng trong Chương này mà chỉ phù hợp hay chủ yếu sử dụng cho mặt hàng đó, và chúng không bị loại trừ bởi Chú giải 1 của Chương này.

Nói chung, các mặt hàng của Chương này có thể được làm bằng bất kỳ vật liệu nào, loại trừ ngọc trai nuôi cấy hoặc ngọc trai tự nhiên, đá quý hoặc đá bán quý (tự nhiên, nhân tạo hoặc tái chế), kim loại quý, kim loại dát phủ kim loại quý. Tuy nhiên chúng có thể bao gồm các bộ phận cấu thành rất nhỏ được làm từ các vật liệu này.

Ngoài các mặt hàng bị loại trừ bởi các Chú giải chi tiết dưới đây, chương này cũng loại trừ:

(a) Pháo hoa hoặc các sản phẩm pháo khác thuộc **nhóm 36.04**

(b) The expression “water park amusements” means a device or combination of devices or equipment that are characterised by a defined area involving water, with no purposes built path. Water park amusements only include equipment designed specifically for water parks; and

(c) The expression “fairground amusements” means games of chance, strength or skill, which commonly employ an operator or attendant and may be installed in permanent buildings or independent concession stalls. Fairground amusements do not include equipment of heading 95.04.

This heading does not include equipment more specifically classified elsewhere in the Nomenclature.

o
o o

Subheading Note.

1.- Subheading 9504.50 covers:

(a) Video game consoles from which the image is reproduced on a television receiver, a monitor or other external screen or surface; or

(b) Video game machines having a self-contained video screen, whether or not portable.

This subheading does not cover video game consoles or machines operated by coins, banknotes, bank cards, tokens or by any other means of payment (subheading 9504.30).

GENERAL

This Chapter covers toys of all kinds whether designed for the amusement of children or adults. It also includes equipment for indoor or outdoor games, appliances and apparatus for sports, gymnastics or athletics, certain requisites for fishing, hunting or shooting, and roundabouts and other fairground amusements.

Each of the headings of this Chapter also covers identifiable parts and accessories of articles of this Chapter which are suitable for use solely or principally therewith, and **provided** they are **not** articles excluded by Note 1 to this Chapter.

The articles of this Chapter may, in general, be made of any material **except** natural or cultured pearls, precious or semi-precious stones (natural, synthetic or reconstructed), precious metal or metal clad with precious metal. They may, however, incorporate **minor constituents** made of these materials.

Apart from the articles excluded in the following Explanatory Notes, this Chapter also **excludes**:

(a) Fireworks or other pyrotechnic articles of **heading 36.04**.

(b) Lốp cao su và các mặt hàng khác của **nhóm 40.11, 40.12 hoặc 40.13.**

(c) Lều và các dụng cụ cắm trại (nói chung thuộc **nhóm 63.06**).

(d) Bơm chất lỏng (**nhóm 84.13**), thiết bị lọc hay tinh chế chất lỏng hoặc chất khí (**nhóm 84.21**), các động cơ điện (**nhóm 85.01**), máy biến điện (**nhóm 85.04**), đĩa, băng, các thiết bị lưu trữ bền vững, thẻ rắn (các thiết bị bán dẫn không mất dữ liệu khi không có nguồn điện cung cấp), "thẻ thông minh" và các phương tiện lưu trữ thông tin khác để ghi âm thanh hoặc các nội dung, hình thức thể hiện khác, đã hoặc chưa ghi (**nhóm 85.23**), thiết bị điều khiển từ xa bằng sóng vô tuyến (nhóm 85.26) hoặc thiết bị điều khiển từ xa không dây bằng tia hồng ngoại (**nhóm 85.43**).

(e) Vũ khí và các mặt hàng khác của **Chương 93.**

[95.01]

[95.02]

95.03 - Xe đạp ba bánh, xe đẩy, xe có bàn đạp và đồ chơi tương tự có bánh; xe của búp bê; búp bê; đồ chơi khác; mẫu thu nhỏ theo tỷ lệ ("scale") và các mẫu đồ chơi giải trí tương tự, có hoặc không vận hành; các loại đồ chơi đố trí (puzzles).

Nhóm này bao gồm:

(A) Đồ chơi có bánh.

Các mặt hàng này thường được thiết kế tự đẩy bằng bàn đạp, cần gạt tay hoặc các thiết bị đơn giản khác mà qua đó lực được truyền vào bánh xe nhờ một dây xích hoặc thanh kéo, hoặc, như trong trường hợp của một số xe đẩy, nhờ sức ấn trực tiếp bằng chân xuống mặt đất. Loại đồ chơi khác có bánh xe được thiết kế để có thể được kéo hoặc đẩy nhờ người khác một cách đơn giản hoặc được vận hành bằng một động cơ.

Các loại đồ chơi này bao gồm:

(1) Xe ba bánh của trẻ em và các mặt hàng tương tự, nhưng **loại trừ** xe đạp hai bánh của **nhóm 87.12**.

(2) Xe đẩy hai hoặc ba bánh được thiết kế để cho trẻ em, cũng như vị thành niên và người lớn đi, có một thanh trụ để lái có thể điều chỉnh hoặc không điều chỉnh được và các bánh nhỏ cứng đặc hoặc có thể bơm được. Loại xe này đôi khi được lắp kèm một thanh lái dạng xe đạp hai bánh, phanh tay hoặc phanh chân trên bánh sau.

(3) Đồ chơi có bánh xe, có hình dạng động vật, hoạt động nhờ một bàn đạp hoặc một tay quay.

(4) Ô tô có bàn đạp, thường có hình dạng mô phỏng xe thể thao, xe jeep, xe tải...

(5) Đồ chơi có bánh xe hoạt động nhờ cần gạt tay.

(6) Đồ chơi có bánh xe (không có hệ thống truyền lực cơ khí) được thiết kế để kéo hoặc đẩy, và đủ lớn cho một đứa trẻ ngồi điều khiển.

(7) Xe mô tô có động cơ cho trẻ em.

(B) Xe dành cho búp bê (ví dụ, xe đẩy), kể cả kiểu

(b) Rubber tyres and other articles of **heading 40.11, 40.12 or 40.13.**

(c) Tents and camping goods (generally **heading 63.06**).

(d) Pumps for liquids (**heading 84.13**), filtering or purifying machinery and apparatus for liquids or gases (**heading 84.21**), electric motors (**heading 85.01**), electric transformers (**heading 85.04**), discs, tapes, solid-state non-volatile storage devices, "smart cards" and other media for the recording of sound or of other phenomena, whether or not recorded (**heading 85.23**), radio remote control apparatus (**heading 85.26**) or cordless infrared remote control devices (**heading 85.43**).

(e) Arms and other articles of **Chapter 93.**

[95.01]

[95.02]

95.03 - Tricycles, scooters, pedal cars and similar wheeled toys; dolls' carriages; dolls; other toys; reduced-size ("scale") models and similar recreational models, working or not; puzzles of all kinds.

This heading covers:

(A) Wheeled toys.

These articles are usually designed for propulsion either by means of pedals, hand levers or other simple devices which transmit power to the wheels through a chain or rod, or, as in the case of certain scooters, by direct pressure of a person's foot against the ground. Other types of wheeled toys may be simply drawn or pushed by another person or driven by a motor.

These toys include:

(1) Children's tricycles and the like, but **excluding** bicycles of **heading 87.12**.

(2) Two- or three-wheeled scooters designed to be ridden by children, as well as youngsters and adults, with an adjustable or non-adjustable steering column and small solid or inflatable wheels. They are sometimes equipped with a bicycle-type handle-bar, a hand brake or a foot brake on the rear wheel.

(3) Pedal- or hand-propelled wheeled toys in the form of animals.

(4) Pedal cars, frequently in the form of miniature sports cars, jeeps, lorries, etc.

(5) Wheeled toys, propelled by hand levers.

(6) Other wheeled toys (with no mechanical transmission system) which are designed to be drawn or pushed, and are large enough for children to ride.

(7) Children's cars powered by a motor.

(B) Dolls' carriages (e.g., strollers), including folding

gấp.

Nhóm này bao gồm xe dành cho búp bê, kiểu gấp hoặc không, được lắp 2 bánh xe hoặc nhiều hơn, ví dụ như ghế đẩy, xe đẩy trẻ con, xe tập đi v.v.. Nhóm này cũng gồm bộ đồ giường cho xe, tương tự loại dùng cho giường búp bê.

(C) Búp bê.

Nhóm này bao gồm không chỉ các búp bê được thiết kế để làm đồ chơi cho trẻ em mà còn cả búp bê dùng cho mục đích trang trí (búp bê phòng phụ nữ, búp bê linh vật), hoặc dùng trong nhà hát múa rối hoặc các búp bê kiểu tranh biếm họa.

Búp bê thường làm bằng cao su, plastic, vật liệu vải, sáp, gốm sứ, gỗ, giấy bồi, cactông hoặc kết hợp các vật liệu này. Chúng có thể được ghép lại bằng đoạn nối và có cơ chế cho phép búp bê cử động chân tay, quay đầu hoặc chớp mắt, phát ra tiếng bắt chước tiếng người... Chúng cũng có thể được mặc quần áo.

Bộ phận và phụ kiện của búp bê thuộc nhóm này bao gồm: đầu, mình, tứ chi, mắt (**trừ** mắt thủy tinh chưa lắp của **nhóm 70.18**), các cơ chế chuyển động mắt, phát ra tiếng nói hoặc các cơ chế khác, bộ tóc giả, quần áo, giày dép và mũ.

(D) Đồ chơi khác

Nhóm này bao gồm đồ chơi chủ yếu dùng giải trí cho con người (trẻ em và người lớn). Tuy nhiên, đồ chơi mà theo thiết kế của chúng, về hình dạng hoặc vật liệu cấu thành, được xác định như là dùng để dành riêng cho động vật, ví dụ như các con vật cảnh nuôi thì không thuộc nhóm này, nhưng được phân vào nhóm thích hợp cho riêng chúng.

Nhóm này bao gồm:

Tất cả các đồ chơi **không gồm** đồ chơi từ **mục (A) đến mục (C)**. Nhiều loại đồ chơi thuộc nhóm này hoạt động bằng cơ học hoặc bằng điện.

Chúng bao gồm:

(i) Các đồ chơi thể hiện động vật hoặc các sinh vật không phải người, thậm chí về cơ bản có đặc tính thể chất của con người (thiên thần, rôbốt, quỷ, ma...), kể cả các đồ chơi dùng trong các tiết mục nhà hát múa rối.

(ii) Súng đồ chơi các loại.

(iii) Đồ chơi xây dựng (bộ lắp ráp xây dựng, hình khối, v.v).

(iv) Xe ô tô đồ chơi (khác với loại thuộc nhóm A), xe hoả (chạy điện hoặc không), máy bay, tàu thủy, v...v, và các phụ tùng của chúng (đường ray, đường băng, tín hiệu)

(v) Đồ chơi được thiết kế để trẻ em ngồi lên nhưng không lắp bánh xe, ví dụ như ngựa bập bênh.

(vi) Động cơ đồ chơi không chạy điện, máy hơi nước đồ chơi...

(vii) Kinh khí cầu và điều đồ chơi.

types.

This group covers doll's carriages, whether or not folding, fitted with two or more wheels, such as push-chairs, perambulators, strollers, etc. It also covers bedding for carriages, similar to that used for doll's beds.

(C) Dolls.

This group includes not only dolls designed for the amusement of children, but also dolls intended for decorative purposes (e.g., boudoir dolls, mascot dolls), or for use in Punch and Judy or marionette shows, or those of a caricature type.

Dolls are usually made of rubber, plastics, textile materials, wax, ceramics, wood, paperboard, papier maché or combinations of these materials. They may be jointed and contain mechanisms which permit limb, head or eye movements as well as reproductions of the human voice, etc. They may also be dressed.

Parts and accessories of dolls of this heading include: heads, bodies, limbs, eyes (**other than** those unmounted of glass, of **heading 70.18**), moving mechanisms for eyes, voice-producing or other mechanisms, wigs, dolls' clothing, shoes and hats.

(D) Other toys.

This group covers toys intended essentially for the amusement of persons (children or adults). However, toys which, on account of their design, shape or constituent material, are identifiable as intended exclusively for animals, e.g., pets, do not fall in this heading, but are classified in their own appropriate heading.

This group includes:

All toys **not included** in **(A) to (C)**. Many of the toys are mechanically or electrically operated.

These include:

(i) Toys representing animals or non-human creatures even if possessing predominantly human physical characteristics (e.g., angels, robots, devils, monsters), including those for use in marionette shows.

(ii) Toy pistols and guns.

(iii) Constructional toys (construction sets, building blocks, etc.).

(iv) Toy vehicles (**other than** those of **group A**), trains (whether or not electric), aircraft, boats, etc., and then accessories (e.g., railway tracks, signals).

(v) Toys designed to be ridden by children but not mounted on wheels, e.g., rocking horses.

(vi) Non-electric toy motors, toy steam engines, etc.

(vii) Toy balloons and toy kites.

- (viii) Các chú lính chì và tương tự, vũ khí đồ chơi.
- (ix) Các dụng cụ thể thao mang tính chất đồ chơi, có hoặc không được đóng thành bộ (bộ đồ chơi gôn, quần vợt, bắn cung, bi-a; gậy chơi bóng chày, bóng bầu dục, hóc-cây...)
- (x) Dụng cụ và công cụ đồ chơi; xe cút-kít cho trẻ em.
- (xi) Máy chiếu phim đồ chơi, đèn ảo thuật, v...v, ví dụ kính biểu diễn đồ chơi.
- (xii) Các dụng cụ và thiết bị âm nhạc có tính chất đồ chơi (pianô, kèn trompét, trống, máy hát, acmônica, accoóc, xilôphôn, hộp nhạc...).
- (xiii) Nhà và đồ đạc nội thất cho búp bê, gồm cả giường
- (xiv) Bộ đồ ăn đồ chơi và các đồ gia dụng đồ chơi khác; cửa hàng đồ chơi và tương tự; bộ đồ sân trại, v...v.
- (xv) Bàn tính đồ chơi.
- (xvi) Máy khâu đồ chơi.
- (xvii) Đồng hồ đồ chơi.
- (xviii) Đồ chơi tính chất giáo dục (bộ đồ chơi về hoá học, in ấn, bộ đồ khâu vá và đan lát).
- (xix) Vòng, dây nhảy có tay nắm (**trừ loại thuộc nhóm 95.06**), trò chơi cuộn chỉ leo dây và tay cầm, con quay (spinning and humming tops), bóng (trừ các loại bóng thuộc **nhóm 95.04 hoặc 95.06**).
- (xx) Sách hoặc giấy bao gồm chủ yếu là các tranh ảnh, đồ chơi hoặc mô hình để cắt ra và ghép lại, và sách gồm các hình vẽ minh họa động hoặc nổi lên khi mở sách, miễn là chúng có đặc tính căn bản của đồ chơi (xem Chú giải giải chi tiết nhóm 49.03).
- (xxi) Viên bi làm trò chơi (ví dụ bi ve có vân dưới mọi hình dạng hoặc bóng thủy tinh mọi loại đóng gói để cho trẻ em giải trí).
- (xxii) Hộp tiết kiệm tiền, lúc lắc, hộp quà kiểu hình nộm (có thể có nhạc), nhà hát nhỏ đồ chơi có hay không có nhân vật...
- (xxiii) Lều đồ chơi dành cho trẻ con chơi trong nhà hoặc ngoài trời.
- Một số các mặt hàng nói trên (đồ chơi vũ khí, công cụ, bộ dụng cụ làm vườn, lính chì, v.v...) thường được đóng thành bộ.
- Một số đồ chơi (ví dụ bàn là điện, máy khâu, dụng cụ âm nhạc,...) có thể có khả năng hạn chế công dụng; nhưng nói chung chúng có thể phân biệt theo kích thước và công dụng hạn chế so với những chiếc máy khâu thực sự,....
- (E) Các mẫu thu nhỏ và các mẫu giải trí tương tự.**
- Nó gồm các kiểu chủ yếu dùng cho mục đích giải trí, ví dụ mô hình hoạt động hoặc mô hình thu nhỏ của các tàu thuyền, máy bay, tàu hoả, ô tô, và bộ vật
- (viii) Tin soldiers and the like, and toy armaments.
- (ix) Toy sports equipment, whether or not in sets (e.g., golf sets, tennis sets, archery sets, billiard sets; baseball bats, cricket bats, hockey sticks).
- (x) Toy tools and implements; children's wheelbarrows.
- (xi) Toy cinematographs, magic lanterns, etc.; toy spectacles.
- (xii) Toy musical instruments (pianos, trumpets, drums, gramophones, mouth organs, accordions, xylophones, musical boxes, etc.).
- (xiii) Dolls' houses and furniture, including bedding.
- (xiv) Toy tableware and other toy household articles; toy shops and the like, farmyard sets, etc.
- (xv) Toy counting frames (abaci).
- (xvi) Toy sewing machines.
- (xvii) Toy clocks and watches.
- (xviii) Educational toys (e.g., toy chemistry, printing, sewing and knitting sets).
- (xix) Hoops, skipping ropes (**other than those of heading 95.06**), diabolo spools and sticks, spinning and humming tops, balls (**other than balls of heading 95.04 or 95.06**).
- Books or sheets consisting essentially of pictures, toys or models, for cutting out and assembly; also books containing "stand-up" or movable figures **provided** they have the essential character of toys (see the Explanatory Note to heading 49.03).
- (xx) Toy marbles (e.g., veined glass marbles put up in any form, or glass balls of any kind put up in packets for the amusement of children).
- (xxi) Toy money boxes; babies' rattles, jack-in-the-boxes; toy theatres with or without figures, etc.
- (xxii) Play tents for use by children indoors or outdoors.
- Certain of the above articles (toy arms, tools, gardening sets, tin soldiers, etc.) are often put up in sets.
- Certain toys (e.g., electric irons, sewing machines, musical instruments, etc.) may be capable of a limited "use"; but they are generally distinguishable by their size and limited capacity from real sewing machines, etc.
- (E) Reduced-size ("scale") models and similar recreational models.**
- This includes models of a kind mainly used for recreational purposes, for example, working or scale models of boats, aircraft, trains, vehicles, etc., and kits

liệu và các bộ phận làm ra các mô hình đó, ngoại trừ các bộ mang đặc tính trò chơi thi đấu của nhóm 95.04 (thí dụ bộ xe đua có đường đua).

Nhóm này cũng bao gồm mặt hàng được sao chép theo kích thước thực hoặc phóng to với mục đích giải trí.

(F) Các đồ đồ trí mọi loại.

o
o o

Bộ sưu tập các đồ vật, mà từng sản phẩm của nó nếu trình bày riêng lẻ có thể được phân loại vào các nhóm khác của Danh mục, chúng được phân loại trong nhóm này khi được làm ở dạng mà công dụng của nó rõ ràng là đồ chơi (ví dụ, đồ chơi giảng dạy như hóa học, may vá... bộ đồ chơi).

Cũng tương tự, như các nội dung nêu tại Chú giải 4 của Chương này, căn cứ theo Chú giải 1 của Chương này, nhóm này cũng bao gồm hàng hóa của nhóm này kết hợp với một mặt hàng hoặc nhiều mặt hàng mà các mặt hàng này có thể được phân loại trong các nhóm khác nhau nếu được để riêng, với điều kiện là:

(a) tập hợp hàng hóa này được đóng gói chung để bán lẻ, nhưng bộ kết hợp này không được xem như là một bộ sản phẩm như khái niệm của Quy tắc 3 (b); và

(b) tập hợp hàng hóa này có đặc tính cơ bản của đồ chơi. Bộ kết hợp như vậy thường bao gồm một mặt hàng thuộc nhóm này và một hoặc nhiều mặt hàng không quan trọng lắm (ví dụ hàng khuyến mại nhỏ hoặc một lượng nhỏ bánh kẹo).

*
* *

BỘ PHẬN VÀ PHỤ KIỆN

Nhóm này cũng bao gồm các bộ phận và đồ phụ trợ có thể được xác định là của các mặt hàng thuộc nhóm này, chúng phù hợp để chỉ sử dụng hoặc chủ yếu sử dụng cho các mặt hàng trên, với điều kiện là chúng không phải là các mặt hàng bị loại trừ bởi Chú giải 1 của Chương này. Bộ phận và đồ phụ trợ này bao gồm:

(1) Bộ phận chuyển động của các hộp âm nhạc, mà qua hình dáng, chất liệu cấu thành và cấu trúc giản đơn, không thể sử dụng trong các hộp âm nhạc của **nhóm 92.08**.

(2) Các động cơ đốt trong có pít tông và các động cơ khác, thu nhỏ (**trừ** các động cơ điện thuộc **nhóm 85.01**) ví dụ được thiết kế cho mô hình máy bay, tàu thủy, chúng có đặc tính là có dung tích xi lanh và công suất nhỏ, trọng lượng nhẹ và kích thước nhỏ.

Nhóm này cũng **loại trừ**:

(a) Bộ màu cho trẻ em chơi (nhóm 32.13).

(b) Chất dẻo để nặn, làm giải trí cho trẻ em (**nhóm 34.07**).

of materials and parts for making such models, other **than** sets having the character of competitive games of **heading 95.04** (e.g., sets comprising slot-racing motor cars with their track layout).

This group also includes life-size or enlarged reproductions of articles **provided** they are for recreational purposes.

(F) Puzzles of all kinds.

o
o o

Collections of articles, the individual items of which if presented separately would be classified in other headings in the Nomenclature, are classified in this heading when they are put up in a form clearly indicating their use as toys (e.g., instructional toys such as chemistry, sewing, etc., sets).

Also, as provided by Note 4 to this Chapter, subject to Note 1 to this Chapter, this heading includes articles of the heading combined with one or more items which would be classified in other headings if presented separately, provided that:

(a) the combined items are put up together for retail sale, but the combination cannot be considered as a set under the terms of General Interpretative Rule 3 (b); and

(b) the combination has the essential character of toys. Such combinations generally consist of an article of this heading and one or more items of minor importance (e.g., small promotional articles or small amounts of confectionery).

*
* *

PARTS AND ACCESSORIES

This heading also covers identifiable parts and accessories of the articles of this heading, which are suitable for use solely or principally therewith and **provided** they are **not** articles excluded by Note 1 to this Chapter. Such parts and accessories include:

(1) Musical box movements which, by their form, constituent material and simple design, could not be used in musical boxes of **heading 92.08**.

(2) Miniature internal combustion piston engines and other engines (**other than** electric motors of **heading 85.01**) for example, for model aircraft, ships, which are characterised, *inter alia*, by small cylinder capacity and power rating, low weight and small size.

This heading also **excludes**:

(a) Paints put up for children's use (**heading 32.13**).

(b) Modelling pastes put up for children's amusement (**heading 34.07**).

(c) Tranh, sách vẽ hoặc tô màu dành cho trẻ em (**nhóm 49.03**).

(d) Giấy sao chép (**nhóm 49.08**).

(e) Chuông (gồm cả chuông dành cho xe đạp ba bánh hoặc cho đồ chơi có bánh khác), thanh la hoặc các mặt hàng tương tự của **nhóm 83.06**.

(f) Phương tiện bay không người lái (**nhóm 88.06**).

(g) Hộp âm nhạc có búp bê kèm theo (**nhóm 92.08**)

(h) Cỗ bài (**nhóm 95.04**).

(ij) Mũ giấy, “kèn luỡi”, mặt nạ, mũi giả và đồ tương tự (**nhóm 95.05**).

(k) Phấn viết và sáp màu (chì màu) cho trẻ em chơi, thuộc **nhóm 96.09**.

(l) Bảng nhỏ và bảng đen, thuộc **nhóm 96.10**.

(m) Tượng người mẫu và mô hình tự động dùng cho cửa hàng may mặc (**nhóm 96.18**).

(n) Bóng nhảy có một hoặc nhiều tay cầm được thiết kế để tập thể dục.

95.04 - Các máy và thiết bị trò chơi điện tử video, các trò chơi trên bàn hoặc trong phòng khách, kể cả trò chơi bắn bi (pin-table), bi-a, bàn chuyên dụng dùng cho trò chơi ở sòng bạc và thiết bị chơi bowling tự động, máy giải trí hoạt động bằng đồng xu, tiền giấy, thẻ ngân hàng, token hoặc bất kỳ phương tiện thanh toán khác.

9504.20 - Các mặt hàng và phụ kiện dùng cho trò chơi bi-a

9504.30 - Máy trò chơi khác, hoạt động bằng đồng xu, tiền giấy, thẻ ngân hàng, xèng hoặc các loại tương tự, trừ các thiết bị dùng cho đường chạy bowling tự động

9504.40 - Bộ bài

9504.50 - Các máy và bộ điều khiển trò chơi video, trừ loại thuộc phân nhóm 9504.30

9504.90 - Loại khác

Nhóm này bao gồm:

(1) Bàn bi-a các loại (có hoặc không có chân), và đồ phụ trợ của chúng (ví dụ, gậy, gối gậy, bóng, phấn bi-a, bảng ghi điểm bóng hoặc loại trượt). Nhưng nhóm này **loại trừ** máy đếm điểm (loại trục lăn và tương tự) (**nhóm 90.29**), bộ đếm sử dụng như đồng hồ để xác định thời gian chơi hoặc số tiền phải trả tính theo khoảng thời gian đó (**nhóm 91.06**), và giá để gậy bi-a (được phân vào **nhóm 94.03** hoặc theo chất liệu cấu thành).

(2) Các bộ điều khiển trò chơi video và máy móc như định nghĩa tại Chú giải phân nhóm 1 của Chương này.

Bộ điều khiển trò chơi video và máy móc có đặc tính và chức năng chính là chúng được thiết kế nhằm mục đích giải trí (chơi trò chơi) thì vẫn được phân loại vào nhóm này, dù có hoặc không đáp ứng đầy đủ các điều kiện của Chú giải 5 (A) Chương 84 liên quan đến máy

(c) Children’s picture, drawing or colouring books of **heading 49.03**.

(d) Transfers (heading 49.08).

(e) Bells (including bells for tricycles or for other wheeled toys), gongs or the like, of **heading 83.06**.

(f) Unmanned aircraft (**heading 88.06**);

(g) Musical boxes which have a doll figure attached (**heading 92.08**).

(h) Card games (**heading 95.04**).

(ij) Paper hats, “blow-outs”, masks, false noses and the like (**heading 95.05**).

(k) Crayons and pastels for children’s use, of **heading 96.09**.

(l) Slates and blackboards, of **heading 96.10**.

(m) Lay figures and automata of a kind used for shop window dressing (**heading 96.18**).

(n) Jump balls with one or more handles designed for physical exercises.

95.4 - Video game consoles and machines, table or parlour games, including pintables, billiards, special tables for casino games and automatic bowling equipment, amusement machines operated by coins, banknotes, bank cards, tokens or by any other means of payment (+).

9504.20 - Articles and accessories for billiards of all kinds

9504.30 - Other games, operated by coins, banknotes, bank cards, tokens or by any other means of payment, other than automatic bowling alley equipment

9504.40 - Playing cards

9504.50 - Video game consoles and machines, other than those of subheading 9504.30

9504.90 - Other

This heading includes:

(1) Billiard tables of various types (with or without legs), and accessories therefor (e.g., billiard cues, cue rests, balls, billiard chalks, ball or slide type markers). But the heading **excludes** mechanical counters (roller-type and the like) (**heading 90.29**), meters which employ a clock movement to indicate the time in play or the amount payable based on that time (**heading 91.06**), and billiard-cue racks (classified in **heading 94.03** or according to their constituent material).

(2) Video game consoles and machines as defined in Subheading Note 1 to this Chapter.

Video game consoles and machines whose objective characteristics and principal function are such that they are intended for entertainment purposes (game-playing) remain classified in this heading, whether or not they fulfil the conditions of Note 5 (A) to Chapter 84

xử lý dữ liệu tự động.

Nhóm này cũng gồm thiết bị và phụ kiện của bộ điều khiển trò chơi video và máy (ví dụ hộp đựng, hộp trò chơi, thiết bị điều khiển, bánh lái) với điều kiện chúng đáp ứng đầy đủ các điều kiện tại Chú giải 3 của Chương này.

Tuy nhiên, nhóm này **không bao gồm**:

(a) Thiết bị tùy chọn ngoại vi (bàn phím, chuột, thiết bị lưu trữ đĩa ...) đáp ứng điều kiện tại Chú giải 5 (C) của Chương 84 (**Phần XVI**).

(b) Đĩa quang học đã được ghi phần mềm trò chơi và chỉ sử dụng cho máy trò chơi của nhóm này (**nhóm 85.23**).

(3) Các bàn có kiểu đồ nội thất được thiết kế riêng cho các trò chơi (ví dụ bàn để chơi cờ đam).

(4) Các bàn đặc biệt cho trò chơi ở sòng bạc hoặc trong nhà (ví dụ cò quay hoặc cá ngựa); cào của nhà cái,...

(5) Bàn bóng đá hoặc các trò chơi tương tự.

(6) Máy móc, hoạt động bằng cách đút tiền xu, tiền giấy, xèng hoặc các hình thức thanh toán khác, đặt trong các nhà chơi, các quán cà phê và hội chợ... dùng cho các trò chơi may rủi hoặc dùng kỹ năng của người chơi (ví dụ, như máy xu, bi-a điện, bàn bắn bi các loại).

(7) Thiết bị dùng cho đường chạy bowling tự động, có hoặc không được trang bị động cơ và bộ phận cơ điện.

Theo mục đích của nhóm này, khái niệm “thiết bị đường chạy bowling tự động” áp dụng không chỉ cho thiết bị có các tay gạt được xếp theo hình tam giác mà còn áp dụng cho các loại khác (ví dụ thiết bị có các tay gạt được xếp theo hình vuông).

(8) Trò chơi croquet trong nhà và các trò chơi ky.

(9) Bộ xe đua với đường đua, có tính chất trò thi đấu.

(10) Bảng phi tiêu và tiêu.

(11) Trò chơi bài mọi loại và mọi kích thước (bài bridge, tarot, lexicon...).

(12) Bàn và quân cờ (của môn cờ tướng, cờ đam...), cờ đô-mi-nô, cò nhảy, lô-tô, mặt chược, cò quay...

(13) Một số đồ phụ trợ chung khác cho một số trò chơi thuộc nhóm này, ví dụ xúc xắc, cốc đổ xúc xắc, xu, xèng, quân tính điểm, thảm chuyên dụng (ví dụ, dành cho trò cò quay).

Nhóm này **không bao gồm**:

(a) Vé xổ số, “thẻ cào”, vé xổ số thưởng bằng hiện vật và vé xổ số tốngbôla (thường là **nhóm 49.11**).

(b) Bàn để chơi bài thuộc **Chương 94**.

(c) Ghế ngồi có lắp hệ thống âm thanh và thích hợp để sử dụng với các bộ điều khiển và máy chơi video, vô

regarding automatic data processing machines.

The heading also includes parts and accessories of video game consoles and machines (for example cases, game cartridges, game controllers, steering wheels), provided they fulfil the conditions of Note 3 to this Chapter.

However, the heading **excludes**:

(a) Optional peripherals (keyboards, mice, disk storage units, etc.) which fulfil the conditions of Note 5 (C) to Chapter 84 (**Section XVI**).

(b) Optical discs recorded with game software and used solely with a game machine of this heading (**heading 85.23**).

(3) Tables of the furniture type specially constructed for games (e.g., tables with a draught-board top).

(4) Special tables for casino or parlour games (e.g., for roulette or for miniature horse races); croupiers' rakes, etc.

(5) Table football or similar games.

(6) Machines, operated by coins, banknotes, bank cards, tokens or by other means of payment, of the kind used in amusement arcades, cafes, funfahs, etc., for games of skill or chance (e.g., machines for revolver practice, pintables of various types).

(7) Automatic bowling alley equipment, whether or not equipped with motors and electro-mechanical features.

For the purpose of this heading the expression “automatic bowling alley equipment” applies not only to equipment where the pins are arranged in triangular form but also to other types (e.g., those in which the pins are arranged in a square).

(8) Skittles and indoor croquet requisites.

(9) Sets comprising slot-racing motor cars with their track layouts, having the character of competitive games.

(10) Dartboards and darts.

(11) Card games of all kinds (bridge, tarot, “lexicon”, etc.).

(12) Boards and pieces (chessmen, draughtsmen, etc.) for games of chess, draughts, dominoes, mah-jong, halma, ludo, snakes and ladders, etc.

(13) Certain other accessories common to a number of games of this heading, for example, dice, dice boxes, counters, suit indicators, specially designed playing cloths (e.g., for roulette).

The heading also **excludes**:

(a) Lottery tickets, “scratch cards”, raffle tickets and tombola tickets (generally **heading 49.11**).

(b) Card tables of **Chapter 94**.

(c) Seats which incorporate a sound system and are suitable for use with video game consoles and

tuyển hoặc thiết bị nhận vệ tinh cũng như với DVD, đĩa nhạc CD, MP3 hoặc đầu băng video (**nhóm 94.01**).

(d) Trò chơi đồ trí (**nhóm 95.03**).

o
o o

Chú giải chi tiết phân nhóm

Phân nhóm 9504.50.

Phân nhóm này không bao gồm bộ điều khiển và máy trò chơi video hoạt động bằng đồng xu, tiền giấy, thẻ ngân hàng, thẻ xu hoặc bất kỳ phương tiện thanh toán nào khác; những thiết bị đó được phân loại thuộc phân nhóm **9504.30**.

95.05 - Đồ dùng trong lễ hội, hội hoá trang hoặc trong các trò chơi giải trí khác, kể cả các mặt hàng dùng cho trò chơi ảo thuật hoặc trò vui cười.

9505.10 - Đồ dùng trong lễ hội Nô-en

9505.90 - Loại khác

Nhóm này bao gồm:

(A) Các dụng cụ dùng trong lễ hội, hội hoá trang hoặc các trò giải trí khác, xét về mục đích sử dụng, thường được làm bằng vật liệu không bền. Chúng bao gồm:

(1) Đồ trang trí lễ hội được dùng để trang trí phòng, bàn,... (như tràng hoa, đèn lồng,...); các đồ trang trí cây Nô-en (kim tuyến, bóng màu, động vật hoặc các hình thù khác...); đồ trang trí truyền thống thông dụng trong một lễ hội nào đó (như là động vật, cờ.)

(2) Các mặt hàng truyền thống dùng trong dịp lễ Nô-en, ví dụ cây Nôel nhân tạo, cảnh Chúa giáng sinh, hình chúa giáng sinh và động vật, thiên thần, bánh Thánh, tất, củi Giáng sinh nhân tạo, ông già Nô-en.

(3) Các mặt hàng để hoá trang, ví dụ mặt nạ, mũi giả, tai giả, tóc giả, râu ria giả (không phải là mặt hàng của **nhóm 67.04**), và mũ giấy. Tuy nhiên, nhóm này loại trừ các bộ quần áo trang trí bằng chất liệu dệt của **Chương 61** hoặc **Chương 62**.

(4) Bóng ném làm bằng giấy hoặc len - cô tông, giải bằng giấy (băng lễ hội), kèn trompet làm bằng bìa các tông, công fet ti, "kèn lưỡi", ô dù...

Nhóm này **không bao gồm** tượng và các vật tương tự dùng để trang trí nơi thờ cúng.

Nhóm này cũng **loại trừ** các mặt hàng có thiết kế phục vụ lễ hội, trang trí, biểu tượng hoặc motif và có chức năng ứng dụng như bộ đồ ăn, bộ đồ bếp, đồ dùng vệ sinh, thảm và các mặt hàng trải sàn bằng chất liệu dệt, quần áo, vải lanh trải giường, trải bàn, dùng vệ sinh và nhà bếp.

(B) Các vật dùng cho ảo thuật, mua vui như bộ bài, bàn, màn chiếu và đồ chứa, được thiết kế riêng cho biểu diễn ảo thuật; bột gây hắt hơi, kẹo đánh lừa, vòng

machines, television or satellite receivers, as well as with DVD, music CD, MP3 or video cassette players (**heading 94.01**).

(d) Puzzles (heading 95.03).

o
o o

Subheading Explanatory Note.

Subheading 9504.50.

This subheading does not cover video game consoles or machines operated by coins, banknotes, bank cards, tokens or by any other means of payment; these are to be classified in subheading 9504.30.

95.5 - Festive, carnival or other entertainment articles, including conjuring tricks and novelty jokes.

9505.10 - Articles for Christmas festivities

9505.90 - Other

This heading covers:

(A) **Festive, carnival or other entertainment articles**, which in view of their intended use are generally made of non-durable material. They include:

(1) Festive decorations used to decorate rooms, tables, etc. (such as garlands, lanterns, etc.); decorative articles for Christmas trees (tinsel, coloured balls, animals and other figures, etc); cake decorations which are traditionally associated with a particular festival (e.g., animals, flags).

(2) Articles traditionally used at Christmas festivities, e.g., artificial Christmas trees, nativity scenes, nativity figures and animals, angels, Christmas crackers, Christmas stockings, imitation yule logs, Father Christmases.

(3) Articles of fancy dress, e.g., masks, false ears and noses, wigs, false beards and moustaches (**not being** articles of postiche - **heading 67.04**), and paper hats. However, the heading **excludes** fancy dress of textile materials, of **Chapter 61** or **62**.

(4) Throw-balls of paper or cotton-wool, paper streamers (carnival tape), cardboard trumpets, "blow-outs", confetti, carnival umbrellas, etc.

The heading **excludes** statuettes, statues and the like of a kind used for decorating places of worship.

The heading also **excludes** articles that contain a festive design, decoration, emblem or motif and have a utilitarian function, e.g., tableware, kitchenware, toilet articles, carpets and other textile floor coverings, apparel, bed linen, table linen, toilet linen, kitchen linen.

(B) **Conjuring tricks and novelty jokes**, e.g., packs of cards, tables, screens and containers, specially designed for the performance of conjuring tricks; novelty jokes

phun nước và "Hoa Nhật bản" dùng để mua vui.

Nhóm này cũng **không bao gồm**:

- (a) Cây thông Nô-en tự nhiên (**Chương 6**).
- (b) Nến (**nhóm 34.06**).
- (c) Bao bì làm bằng nhựa hoặc giấy dùng trong dịp lễ hội (phân loại theo vật liệu cấu thành ví dụ như **Chương 39** hoặc **Chương 48**).
- (d) Chân đế cho cây Nôel (phân loại theo vật liệu cấu thành).
- (e) Cờ và dây cờ bằng vật liệu vải (**nhóm 63.07**).
- (f) Tràng hoa điện mọi loại (**nhóm 94.05**).

95.06 - Dụng cụ và thiết bị dùng cho tập luyện thể chất nói chung, thể dục, điền kinh, các môn thể thao khác (kể cả bóng bàn) hoặc trò chơi ngoài trời, chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác trong Chương này; bể bơi và bể bơi nông (paddling pools).

- Ván trượt tuyết và các thiết bị trượt tuyết khác:

9506.11 - - Ván trượt tuyết

9506.12 - - Dây buộc ván trượt

9506.19 - - Loại khác

- Ván trượt nước, ván lướt sóng, ván buồm và các thiết bị thể thao dưới nước khác:

9506.21 - - Ván buồm

9506.29 - - Loại khác

- Gậy chơi gôn và các thiết bị chơi gôn khác:

9506.31 - - Gậy, bộ gậy chơi gôn

9506.32 - - Bóng

9506.39 - - Loại khác

9506.40 - Dụng cụ và thiết bị cho môn bóng bàn

- Vợt tennis, vợt cầu lông hoặc các vợt tương tự khác, đã hoặc chưa căng lưới:

9506.51 - - Vợt tennis, đã hoặc chưa căng lưới

9506.59 - - Loại khác

- Bóng, trừ bóng chơi gôn và bóng chơi bóng bàn:

9506.61 - - Bóng tennis

9506.62 - - Bóng có thể bơm hơi

9506.69 - - Loại khác

9506.70 - Lưỡi giày trượt băng và lưỡi trượt có bánh xe, kể cả giày trượt có gắn lưỡi trượt

- Loại khác:

9506.91 - - Các mặt hàng và thiết bị cho tập luyện thể chất nói chung, thể dục hoặc điền kinh

9506.99 - - Loại khác

Nhóm này bao gồm:

such as sneezing powder, surprise sweets, water-jet button-holes and "Japanese flowers".

This heading also **excludes**:

- (a) Natural Christmas trees (**Chapter 6**).
- (b) Candles (heading 34.06).
- (c) Packagings of plastics or of paper, used during festivals (classified according to constituent material, for example, **Chapter 39** or **48**).
- (d) Christmas tree stands (classified according to constituent material).
- (e) Textile flags or bunting of **heading 63.07**.
- (f) Electric garlands of all kinds (**heading 94.05**).

95.6 - Articles and equipment for general physical exercise, gymnastics, athletics, other sports (including table- tennis) or outdoor games, not specified or included elsewhere in this Chapter; swimming pools and paddling pools.

- Snow-skis and other snow-ski equipment:

9506.11 - - Skis

9506.12 - - Ski-fastenings (ski-bindings)

9506.19 - - Other

- Water-skis, surf-boards, sailboards and other water-sport equipment:

9506.21 - - Sailboards

9506.29 - - Other

- Golf clubs and other golf equipment:

9506.31 - - Clubs, complete

9506.32 - - Balls

9506.39 - - Other

9506.40 - Articles and equipment for table-tennis

- Tennis, badminton or similar rackets, whether or not strung:

9506.51 - - Lawn-tennis rackets, whether or not strung

9506.59 - - Other

- Balls, other than golf balls and table-tennis balls:

9506.61 - - Lawn-tennis balls

9506.62 - - Inflatable

9506.69 - - Other

9506.70 - Ice skates and roller skates, including skating boots with skates attached

- Other:

9506.91 - - Articles and equipment for general physical exercise, gymnastics or athletics

9506.99 - - Other

This heading covers:

(A) Các dụng cụ và thiết bị dùng cho tập luyện thể chất nói chung, thể dục hoặc điền kinh, chẳng hạn:

Thanh và vòng treo; xà đơn và xà kép; cầu thăng bằng; ngựa gỗ; ngựa tay quay; bàn nhảy; dây leo và thang; thang sát tường; gậy; tạ đơn và tạ thanh; bóng thuốc; bóng nhảy với một hoặc hai tay cầm được thiết kế dùng cho tập luyện thể chất; các thiết bị tập chèo thuyền, đạp xe và tập luyện khác; dây lò xo để tập ngực; tay nắm để tập bàn tay; bàn đạp chạy; rào cản; cột nhảy xa; xà; gậy chống nhảy cao; lao, đĩa, quả tạ ném; bóng đấm (bao phi) và bao đấm; đài cho đấu bốc hoặc vật; tường xung kích; dây nhảy có tay nắm được thiết kế dùng trong các hoạt động thể thao và các lớp thể hình.

(B) Thiết bị cho các môn thể thao khác và trò chơi ngoài trời (trừ đồ chơi đóng bộ hoặc tách rời, của nhóm 95.03) chẳng hạn:

- (1) Bàn trượt tuyết và các thiết bị trượt tuyết khác (khoá cài (dây buộc), phanh, gậy trượt).
- (2) Ván trượt nước, ván lướt sóng, ván buồm và các thiết bị thể thao dưới nước khác như bậc (nền) lặn, xe trượt, chân nhái và mặt nạ thở khí khi lặn dưới nước loại không dùng bình ôxy hoặc khí nén, và các ống thở dưới nước đơn giản (thường được gọi là tuba) thiết kế cho người bơi hoặc lặn.
- (3) Gậy đánh gôn và các thiết bị chơi gôn khác như bóng, móc phát bóng.
- (4) Các dụng cụ và thiết bị cho môn bóng bàn như bàn (có hoặc không có chân), vợt, bóng và lưới.
- (5) Vợt tennis, cầu lông, hoặc tương tự (ví dụ vợt bóng quần), đã hoặc chưa căng dây.
- (6) Bóng, trừ bóng chơi gôn hoặc bóng chơi bóng bàn chẳng hạn bóng tennis, bóng đá, bóng bầu dục và các loại bóng tương tự (kể cả ruột và vỏ bóng); bóng cho trò chơi dưới nước, bóng rổ và các loại bóng có van tương tự; bóng cricket.
- (7) Lưỡi và bánh trượt băng, kể cả giày trượt có gắn lưỡi ở dưới.
- (8) Gậy cho hốc-cây trên cỏ, cricket, hốc-cây trên băng; đĩa cầu cho môn hốc - cây trên băng; bi đá.
- (9) Lưới cho các trò chơi khác nhau (tennis, cầu lông, bóng chuyền, bóng đá, bóng rổ, ...)
- (10) Dụng cụ cho đấu kiếm như kiếm, gươm, và các bộ phận của chúng (lưỡi, giáp, giao găm hoặc nút bấm và nút hãm)...
- (11) Các dụng cụ để bắn cung, chẳng hạn cung, tên, mục tiêu.
- (12) Thiết bị của loại dùng trong các sân chơi trẻ em (ví dụ cầu bập bênh, cầu trượt, đu).
- (13) Thiết bị bảo vệ cho các môn thể thao hoặc thi đấu như mặt nạ và giáp che ngực cho môn đấu kiếm, tấm

(A) Articles and equipment for general physical exercise, gymnastics or athletics, e.g., :

Trapeze bars and rings; horizontal and parallel bars; balance beams, vaulting horses; pommel horses; spring boards; climbing ropes and ladders; wall bars; Indian clubs; dumb bells and bar bells; medicine balls; jump balls with one or more handles designed for physical exercises; rowing, cycling and other exercising apparatus; chest expanders; hand grips; starting blocks; hurdles; jumping stands and standards; vaulting poles; landing pit pads; javelins, discuses, throwing hammers and putting shots; punch balls (speed bags) and punch bags (punching bags); boxing or wrestling rings; assault course climbing walls; skipping ropes designed for sports activities and fitness classes.

(B) Requisites for other sports and outdoor games (other than toys presented in sets, or separately, of heading 95.03), e.g. :

- (1) Snow-skis and other snow-ski equipment, (e.g., ski-fastenings (ski-bindings), ski brakes, ski poles).
Water-skis, surf-boards, sailboards and other water-sport equipment, such as diving stages (platforms), chutes, divers' flippers and respiratory masks of a kind used without oxygen or compressed air bottles, and simple underwater breathing tubes (generally known as "snorkels") for swimmers or divers.
- (3) Golf clubs and other golf equipment, such as golf balls, golf tees.
- (4) Articles and equipment for table-tennis (ping-pong), such as tables (with or without legs), bats (paddles), balls and nets.
- (5) Tennis, badminton or similar rackets (e.g., squash rackets), whether or not strung.
- (6) Balls, other than golf balls and table-tennis balls, such as tennis balls, footballs, rugby balls and similar balls (including bladders and covers for such balls); water polo, basketball and similar valve type balls; cricket balls.
- (7) Ice skates and roller skates, including skating boots with skates attached.
- (8) Sticks and bats for hockey, cricket, lacrosse, etc.; chistera (jai alai scoops); pucks for ice hockey; curling stones.
- (9) Nets for various games (tennis, badminton, volleyball, football, basketball, etc.).
- (10) Fencing equipment: fencing foils, sabres and rapiers and their parts (e.g., blades, guards, hilts and buttons or stops), etc.
- (11) Archery equipment, such as bows, arrows and targets.
- (12) Equipment of a kind used in children's playgrounds (e.g., swings, slides, see-saws and giant strides).
- (13) Protective equipment for sports or games, e.g., fencing masks and breast plates, elbow and knee pads,

đệm khuỷu tay và đầu gối, tấm bảo vệ dùng trong môn cricket, tấm ốp bảo vệ ống chân, quần có lắp sẵn các tấm đệm và bảo vệ dùng cho môn hockey trên băng.

(14) Các vật dụng và thiết bị khác như vật dụng thiết yếu cho môn tennis đất nện, vòng hoặc bát; bàn trượt có bánh xe; khung ép vợt, vò cho bóng polo và cricket; bu-mơ-rang; riêu cuộc băng; bộ câu bằng đất sét, máy phóng bộ câu đất; xe bobsleigh, xe luge và xe tương tự không có động cơ dùng cho lướt trên băng hoặc tuyết.

(C) Các bể bơi và bể bơi nông.

Nhóm này **không bao gồm**:

(a) Dây căng vợt tennis trên cỏ và vợt khác (**Chương 39, nhóm 42.06** hoặc **Phần XI**)

(b) Túi thể thao và túi khác của **nhóm 42.02, 43.03** hoặc **43.04**.

(c) Găng và găng tay hở ngón dùng cho thể thao (thường thuộc **nhóm 42.03**).

(d) Lưới hàng rào và túi lưới để đựng bóng đá, bóng ten nít,... (thường thuộc **nhóm 56.08**).

(e) Quần áo thể thao bằng vật liệu dệt của **Chương 61** hoặc **Chương 62**, có hoặc không gắn kèm bộ phận bảo vệ như miếng lót ở khuỷu tay, đầu gối hoặc vùng háng (bộ quần áo trong đấu kiếm hoặc cho thủ môn bóng đá)

(f) Buồm cho thuyền, thuyền buồm hoặc thuyền cạn thuộc **nhóm 63.06**.

(g) Giày dép (**ngoại trừ** giày trượt băng có gắn lưỡi trượt hoặc bánh xe) của **Chương 64** và mũ thể thao của **Chương 65**.

(h) Gậy chống, roi ngựa, roi và các mặt hàng tương tự (**nhóm 66.02**) cũng như các bộ phận của chúng (**nhóm 66.03**).

(ij) Các thuyền thể thao (chẳng hạn scooter trên biển, canô và xuồng nhỏ) và các xe thể thao (**ngoại trừ** xe trượt băng và loại tương tự) của **Phần XVII**.

(k) Kính mắt cho người nhái và các loại kính bảo hộ khác (**nhóm 90.04**).

(l) Thiết bị y tế bằng điện và các thiết bị và dụng cụ khác của **nhóm 90.18**.

(m) Các thiết bị trị liệu cơ học (**nhóm 90.19**).

(n) Các thiết bị thở loại dùng bình ôxy hoặc khí nén (**nhóm 90.20**).

(o) Các đồ dùng thể thao (**Chương 91**).

(p) Các vật dụng thiết yếu mọi loại dùng cho môn bowling (kể cả thiết bị đường chạy bowling tự động) và thiết bị khác dùng cho các môn thi đấu trong nhà, trên bàn hoặc tại hội chợ (**nhóm 95.04**).

(q) Bể hoạt động (activity pool) và bể tạo sóng được thiết kế dành cho trò chơi di chuyển trong công viên giải trí, trò chơi công viên nước hoặc trò chơi hội chợ, chúng luân chuyển nước để giải trí, để đẩy hoặc giảm

cricket pads, shin-guards, ice hockey pants with built-in guards and pads.

(14) Other articles and equipment, such as requisites for deck tennis, quoits or bowls; skate boards; racket presses; mallets for polo or croquet; boomerangs; ice axes; clay pigeons and clay pigeon projectors; bobsleighs (bobsleds), luges and similar non-motorised vehicles for sliding on snow or ice.

(C) Swimming pools and paddling pools.

The heading **excludes**:

(a) Strings for lawn tennis and other rackets (**Chapter 39, heading 42.06** or **Section XI**).

(b) Sports bags and other containers of **heading 42.02, 43.03** or **43.04**.

(c) Sports gloves, mittens and mitts (generally **heading 42.03**).

(d) Enclosure nets, and net carrying-bags for footballs, tennis balls, etc. (generally **heading 56.08**).

(e) Sports clothing of textiles, of **Chapter 61** or **62**, whether or not incorporating incidentally protective components such as pads or padding in the elbow, knee or groin areas (e.g., fencing clothing or soccer goalkeeper jerseys).

(f) Sails for boats, sailboards or landcraft, of **heading 63.06**.

(g) Sports footwear (**other than** ice or roller skating boots with skates attached) of **Chapter 64** and sports headgear of **Chapter 65**.

(h) Walking-sticks, whips, riding-crops and the like (**heading 66.02**), and parts thereof (**heading 66.03**).

(ij) Sports craft (such as marine jets, canoes and skiffs) and sports vehicles (**other than** bobsleighs (bobsleds), toboggans and the like), of **Section XVII**.

(k) Frogmen's and other goggles (**heading 90.04**).

(l) Electro-medical apparatus and other instruments and appliances of **heading 90.18**.

(m) Mechano-therapy appliances (**heading 90.19**).

(n) Breathing appliances of a kind used with oxygen or compressed air bottles (**heading 90.20**).

(o) Articles for sports purposes of **Chapter 91**.

(p) Bowling requisites of all kinds (including automatic bowling alley equipment) and other equipment for parlour, table or funfair games (**heading 95.04**).

(q) Activity pools and wave pools designed for amusement park rides, water park amusements or fairground amusements, which circulate water for amusement, to mobilize or lubricate a rider along a

ma sát cho người di chuyển dọc theo đường chuyển động hoặc để tạo sóng và dòng chảy (**nhóm 95.08**).

95.07 - Cần câu, lưỡi câu và các loại dây câu khác; vợt lưới bắt cá, vợt lưới bắt bướm và các loại lưới tương tự; chim giả làm mồi (trừ các loại thuộc nhóm 92.08 hoặc 97.05) và các dụng cụ cần thiết dùng cho săn hoặc bắn tương tự.

9507.10 - Cần câu.

9507.20 - Lưỡi câu cá, có hoặc không có dây cước.

9507.30 - Bộ cuộn dây câu.

9507.90 - Loại khác

Nhóm này bao gồm:

(1) **Lưỡi câu** tất cả các loại (ví dụ lưỡi đơn hoặc lưỡi chùm) và đủ mọi kích thước, thông thường bằng thép và có thể mạ đồng, mạ kẽm, mạ bạc hoặc mạ vàng.

(2) **Vợt lưới bắt cá, vợt lưới bắt bướm và các loại lưới tương tự.** Chúng thường gồm lưới có dạng túi làm bằng sợi dệt hoặc dây vải, giữ mở bởi một khung thép và được gắn vào tay cầm.

(3) **Cần câu và các loại dụng cụ câu khác.** Cần câu đủ loại kích thước và bằng mọi loại vật liệu (tre, gỗ, sợi thủy tinh, kim loại, nhựa...). Chúng bao gồm cả một đoạn hay nhiều đoạn ghép lại với nhau. Dụng cụ câu bao gồm ống và cuộn dây; mồi giả (ví dụ cá, ruồi, sâu bọ, giun giả) và lưỡi câu có gắn các loại mồi giả; mồi kéo; dây câu, lưỡi câu và mồi câu gắn với nhau; phao câu (bắc, thủy tinh, lông ống...) kể cả phao lấp lánh, khung quần dây câu, thiết bị giật cá tự động, các vòng câu gắn cùng (trừ vòng làm bằng đá quý hoặc bán quý); chì câu, chuông cần câu khi được gắn với cái kẹp bên ngoài hoặc thiết bị tương tự.

(4) **Một số vật dụng thiết yếu dùng cho săn bắn** như là chim làm giả mồi (nhưng không bao gồm dụng cụ tạo âm thanh để như mồi các loại (**nhóm 92.08**) hoặc chim nhồi của **nhóm 97.05**), gương chiếu như mồi.

Nhóm này **không bao gồm**:

(a) Lông vũ dùng để làm ruồi giả (**nhóm 05.05** hoặc **67.01**)

(b) Sợi, sợi đơn, dây, chỉ khâu (thật hay nhân tạo) cắt thành từng đoạn dài, nhưng chưa làm thành dây câu (**Chương 39, nhóm 42.06** hoặc **Phần XI**).

(c) Túi thể thao và các loại bao bì khác (ví dụ hộp cần câu và túi thi đấu) của **nhóm 42.02, 43.03** hoặc **43.04**.

(d) Các vòng để riêng (xếp vào các nhóm tương ứng).

(e) Bẫy, sập và đơm đó,... (phân loại theo vật liệu cấu thành)

(f) Chuông không có điện bằng kim loại cơ bản dành cho dây câu, không được gắn với thiết bị giữ bên ngoài (**nhóm 83.06**).

purpose built path or to generate waves and currents (**heading 95.08**).

95.7 - Fishing rods, fish-hooks and other line fishing tackle; fish landing nets, butterfly nets and similar nets; decoy "birds" (other than those of heading 92.08 or 97.05) and similar hunting or shooting requisites.

9507.10 - Fishing rods

9507.20 - Fish-hooks, whether or not snelled

9507.30 - Fishing reels

9507.90 - Other

This heading covers:

(1) **Fish-hooks** of all kinds (e.g., with single or multiple barbs) and sizes. These are usually made of steel but they may be bronzed, tinned, silvered or gilded.

(2) **Fish landing nets, butterfly nets and similar nets.** These usually consist of pocket-like nets of textile yarn or cord, mounted on a wire support and fixed to a handle.

(3) **Line fishing rods and tackle.** Fishing rods may be of various sizes, and may be made of various materials (bamboo, wood, metal, glass fibre, plastics, etc.). They may consist of a single piece or be jointed. Fishing tackle comprises such items as reels and reel mountings; artificial bait (e.g., imitation fish, flies, insects or worms) and hooks mounted with such bait; spinning bait; mounted lines and casts; fishing floats (cork, glass, quill, etc.) including luminous floats; line winding frames; automatic striking devices; mounted fishing rings (**other than** mounted rings of precious or semi-precious stone); sinkers, and fishing rod bells when mounted or attached to external clamps, clips or other devices

(4) **Certain hunting or shooting requisites** such as decoy "birds" (but **not including** decoy calls of all kinds (**heading 92.08**) or stuffed birds of **heading 97.05**) and lark mirrors.

This heading also **excludes**:

(a) Feathers for making artificial flies (**heading 05.05** or **67.01**).

(b) Yarns, monofilaments, cords, and real or imitation gut, cut to length but not made up into fishing lines (**Chapter 39, heading 42.06** or **Section XI**).

(c) Sports bags and other containers (e.g., fishing rod cases and game bags) of **heading 42.02, 43.03** or **43.04**.

(d) Unmounted rings (classified in their own appropriate headings).

(e) Traps, snares, etc. (classified according to constituent materials).

(f) Bells, non-electric, of base metal, for fishing tackle, not mounted or attached to external clamps, clips, or other devices (**heading 83.06**).

(g) Chim bồ câu mồi bằng đất sét (**nhóm 95.06**).

95.08 - Vòng ngựa gỗ, đu, phòng tập bắn và các trò chơi tại khu giải trí khác; rạp xiếc lưu động và bày thú xiếc lưu động; nhà hát lưu động

9508.10 - Rạp xiếc lưu động và bày thú xiếc lưu động

- Trò chơi di chuyển trong công viên giải trí và trò chơi công viên nước:

9508.21 - - Tàu lượn siêu tốc

9508.22 - - Đu quay, đánh đu và vòng quay ngựa gỗ

9508.23 - - Trò chơi xe đung

9508.24 - - Thiết bị mô phỏng chuyển động và rạp mô phỏng chuyển động

9508.25 - - Cầu trượt nước

9508.26 - - Trò chơi công viên nước

9508.29 - - Loại khác

9508.30 - Trò chơi hội chợ

9508.40 - Rạp lưu động

Các trò chơi tại khu giải trí, rạp xiếc, bày thú xiếc và rạp hát lưu động thuộc nhóm này với điều kiện chúng bao gồm tất cả các yếu tố cơ bản để hoạt động bình thường. Nhóm này cũng bao gồm cả các thiết bị phụ trợ miễn là chúng được sử dụng cùng như là những bộ phận cấu thành của các trò chơi giải trí này, tuy nhiên nếu chúng để riêng (ví dụ tăng bạt, thú, dụng cụ và thiết bị âm nhạc, các cụm phát điện, máy biến áp, động cơ, thiết bị chiếu sáng, chỗ ngồi, vũ khí và đạn dược) thì sẽ xếp vào các nhóm khác của danh mục.

Theo nội dung của Chú giải 1 thuộc Chương này, các vật phẩm có thể xác định được thiết kế riêng hoặc chủ yếu như những bộ phận hoặc đồ phụ trợ cho những trò giải trí nêu trên (ví dụ thuyền đánh đu và cầu trượt nước) vẫn được xếp ở đây ngay khi chúng để riêng.

Trò chơi di chuyển trong công viên giải trí và trò chơi công viên nước thuộc nhóm này bao gồm:

(1) Tàu lượn siêu tốc. Chúng sử dụng xe chuyên dụng trong đó người chơi ngồi và được giữ chặt khi di chuyển trên đường ray lên xuống theo kiểu thiết kế, đôi khi có một hoặc nhiều lần đảo ngược (chẳng hạn như vòng thẳng đứng). Tàu lượn siêu tốc có thể có một hoặc nhiều xe.

(2) Đu quay, đánh đu và vòng quay ngựa gỗ. Chúng hoạt động ở một mức duy nhất trên một lộ trình hoặc đường di chuyển cố định, được kiểm soát.

(3) Xe đung hoặc trò chơi xe đung.

(4) Thiết bị mô phỏng chuyển động và rạp mô phỏng chuyển động. Đây là trò chơi di chuyển có chỗ ngồi, nơi khán giả được xem một bộ phim hoặc trải nghiệm thực tế ảo trong khi ghế của họ chuyển động để tương ứng với khung cảnh và hoạt động của trò chơi.

(g) Clay pigeons (**heading 95.06**).

95.08 - Travelling circuses and travelling menageries; amusement park rides and water park amusements; fairground amusements, including shooting galleries; travelling theatres.

9508.10 - Travelling circuses and travelling menageries

- Amusement park rides and water park amusements:

9508.21 - - Roller coasters

9508.22 - - Carousels, swings and roundabouts

9508.23 - - Dodge'em cars

9508.24 - - Motion simulators and moving theatres

9508.25 - - Water rides

9508.26 - - Water park amusements

9508.29 - - Other

9508.30 - Fairground amusements

9508.40 - Travelling theatres

Amusement park rides, water park amusements, fairground amusements, travelling circuses, travelling menageries and travelling theatres fall in this heading provided they comprise all the essential units required for their normal operation. The heading also includes items of auxiliary equipment **provided** they are presented with, and as components of, these various amusements, notwithstanding that when presented separately such items (e.g., tents, animals, musical instruments, power plants, motors, lighting fittings, seats, and arms and ammunition) would fall in other headings of the Nomenclature.

Subject to the provisions of Note 1 to this Chapter, articles which are identifiable as designed solely or principally for use as parts and accessories of such amusements (e.g., boats for swings and water-chutes), remain classified here when presented separately.

Amusement park rides and water park amusements falling in this heading include:

(1) Roller coasters. These employ a specialized car in which the rider is seated and restrained while being transported on a track that rises and drops in designed patterns, sometimes with one or more inversions (such as vertical loops). Roller coasters may have single cars or multiple cars.

(2) Carousels, swings and roundabouts. These operate on a single level over a controlled, fixed course or track.

(3) "Dodge'em" cars or bumper cars.

(4) Motion simulators and moving theaters. These are rides with a seating platform, where the audience is shown a movie or otherwise experiences a virtual reality while their seats move to correspond to the sights and actions of the ride.

(5) Cầu trượt nước. Hệ thống tuần hoàn nước được sử dụng để đẩy hoặc giảm ma sát cho người di chuyển dọc theo đường chuyển động, trong đó hoạt động của trò chơi có thể và nhằm nhúng toàn bộ hoặc một phần cơ thể của người chơi trong nước.

(6) Trò chơi công viên nước. Chúng có đặc trưng bởi một khu vực nước cụ thể, không bao gồm đường đi (no purposes built path). Chúng có thể bao gồm cầu trượt, các cấu phần trò chơi dưới nước có thể trèo và chông leo trèo, cấu kiện trò chơi dưới nước phức hợp, bộ điều khiển của người chơi, vòi phun nước, đài phun nước, tác động của sóng, sông thư giãn và hồ xoáy.

Trò chơi hội chợ thuộc nhóm này bao gồm:

Các trò chơi may mắn, sức mạnh hoặc kỹ năng, chẳng hạn như bắn súng, ném dĩa, tung đồng xu, mê cung và xổ số (ví dụ, vòng quay may mắn). Chúng thường có người điều hành hoặc người phục vụ và có thể được lắp đặt trong các tòa nhà kiên cố hoặc quầy nhượng quyền độc lập (independent concession stalls). Các trò chơi hội chợ không bao gồm các thiết bị thuộc nhóm 95.04 và 95.06, hoặc các mặt hàng được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác trong Chương này.

Nhóm này **không bao gồm**:

(a) Quầy bán hàng di động (bánh kẹo và các sản phẩm khác) để quảng cáo hoặc giáo dục hoặc phục vụ cho các mục đích quảng cáo tương tự.

(b) Máy kéo và các xe vận tải khác, kể cả romoóc, **ngoại trừ** các loại được thiết kế đặc biệt dành cho và là một bộ phận của trò giải trí (ví dụ romoóc đồng vai trò hỗ trợ cho thú vật).

(c) Các máy giải trí hoạt động bằng đồng xu, tiền giấy, thẻ ngân hàng, token hoặc bất kỳ phương tiện thanh toán khác (**nhóm 95.04**).

(d) Các mặt hàng để phân phối giải thưởng.

Chương 96:

Các mặt hàng khác

Chú giải.

1.- Chương này không bao gồm:

(a) Bút chì dùng để trang điểm (Chương 33);

(b) Các mặt hàng thuộc Chương 66 (ví dụ, các bộ phận của ô hoặc gậy chống);

(c) Đồ trang sức làm bằng chất liệu khác (nhóm 71.17);

(d) Các bộ phận có công dụng chung, như đã định nghĩa ở Chú giải 2 của Phần XV, làm bằng kim loại cơ bản (Phần XV), hoặc các hàng hóa tương tự làm bằng plastic (Chương 39);

(e) Dao kéo hoặc các mặt hàng khác thuộc Chương 82 có cán hoặc các bộ phận khác được khảm hoặc đúc; tuy nhiên, cán hoặc các bộ phận khác được khảm hoặc đúc của các mặt hàng này được trình bày riêng lẻ thuộc nhóm 96.01 hoặc 96.02;

(5) Water rides. A water circulating system is used to mobilize or lubricate the rider's transportation along a purpose-built path, where the action of the ride involves possible and purposeful immersion of the rider's body in whole or in part in water.

(6) Water park amusements. These are characterized by a defined area involving water, but with no purpose-built path. They may include slides, climbable and climb-resistant aquatic play components, composite aquatic play structures, user controls, water sprays, fountains, wave action, leisure rivers, and vortex pools.

Fairground amusements falling in this heading include:

Games of chance, strength or skill, such as shooting galleries, coconut shies, coin tosses, mazes, and lotteries (e.g., wheels of fortune). They commonly employ an operator or attendant and may be installed in permanent buildings or independent concession stalls. Fairground amusements do not include equipment of headings 95.04 and 95.06, or articles specified or included elsewhere in this Chapter.

The heading **excludes**:

(a) Travelling stalls for the sale of goods (confectionary and other products, etc.), for advertising or for educational or similar exhibitions.

(b) Tractors and other transport vehicles, including trailers, **other than** those specially designed for and forming part of fairground amusements (e.g., ring-stand trailers).

(c) Amusement machines operated by coins, banknotes, bank cards, tokens or by any other means of payment (**heading 95.04**).

(d) Goods for distribution of prizes.

Chapter 96

Miscellaneous manufactured articles

Notes.

1.- This Chapter does not cover:

(a) Pencils for cosmetic or toilet uses (Chapter 33);

(b) Articles of Chapter 66 (for example, parts of umbrellas or walking-sticks);

(c) Imitation jewellery (heading 71.17);

(d) Parts of general use, as defined in Note 2 to Section XV, of base metal (Section XV), or similar goods of plastics (Chapter 39);

(e) Cutlery or other articles of Chapter 82 with handles or other parts of carving or moulding materials; heading 96.01 or 96.02 applies, however, to separately presented handles or other parts of such articles;